

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI
HA NOI ENTERTAINMENT SERVICES CORPORATION

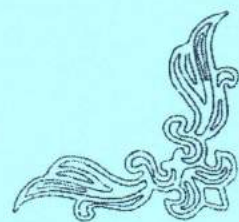
Số 614, đường Lạc Long Quân, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: 024.3718 4193 - Fax: 024.3718 4190



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2018



I. Thông tin chung

Thông tin khái quát

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: 0100844825
Vốn điều lệ	: 100.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 92.974.500.000 đồng
Địa chỉ	: Số 614 Đường Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại	: (04) 3718-4193
Số fax	: (04) 3718-4190
Website	: www.congvienhotay.vn
Mã cổ phiếu (nếu có)	: HES

1. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 11/11/1998, Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055096 cho Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội với số vốn điều lệ ban đầu là 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng). Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là vui chơi giải trí các trò chơi dưới nước và trên cạn, dịch vụ văn hoá văn nghệ, dịch vụ thể thao rèn luyện thân thể, cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo... Các sáng lập viên bao gồm: Ban Tài chính quản trị Thành ủy Hà Nội, Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam, Bưu điện Hà Nội, Công ty đầu tư khai thác Hồ Tây...

Ngày 19/5/2000, Công viên nước khai trương và chính thức đi vào hoạt động. Với diện tích 6,4 ha bao gồm các trò chơi dưới nước và các dịch vụ phụ trợ. Công viên nước bao gồm 14 khu trò chơi dưới nước hiện đại, toàn bộ trang thiết bị của Công viên nước Hồ Tây được nhập khẩu trực tiếp từ Tây Ban Nha và tất cả đều đáp ứng đầy đủ những tiêu chuẩn mà Hiệp hội Công viên nước thế giới quy định. Ngoài ra, nguồn nước dùng trong các khu bể bơi đều được xử lý qua hệ thống lọc nước tuần hoàn hiện đại. Hàng ngày, bộ phận y tế của Công viên đều kiểm tra nguồn nước, các thông số về nước phải đảm bảo các tiêu chí của Bộ Y tế đưa ra; đảm bảo sức khỏe của khách hàng.

Ngày 2/7/2000, Khu vui chơi trên cạn rộng 1,7ha - nằm liền kề khu vui chơi dưới nước (Công viên nước) ra đời, ban đầu có tên là Công viên Vàng Trắng, chính thức khai trương và đi vào hoạt động (sau này đổi tên thành Công viên Mặt trời Mới cho đến nay). Trải qua gần 20 năm hình thành và phát triển, Công viên Mặt Trời Mới

luôn là điểm đến thân thuộc của du khách sau những giờ học tập, lao động căng thẳng. Hiện tại, Công viên Mặt Trời Mới có 15 loại trò chơi ngoài trời hiện đại dành cho mọi lứa tuổi và khu trò chơi trong nhà dành cho trẻ em từ mẫu giáo đến thiếu nhi. Chất lượng các trò chơi đều đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Với mục tiêu phát triển là đưa Công viên Hồ Tây trở thành một điểm đến hấp dẫn hàng đầu của thủ đô Hà Nội và các tỉnh thành phố phía Bắc, luôn “sôi động bốn mùa hào hứng quanh năm” HĐQT Công ty đã đưa ra những giải pháp đổi mới đồng bộ có tính khả thi cao để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh: tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng sản phẩm, dịch vụ mới, đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực, định hướng thị trường đúng đắn, tăng cường quảng bá tiếp thị sản phẩm, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ. Cùng với những dịch vụ truyền thống, với lợi thế không gian rộng lớn, Công viên Hồ Tây đã mạnh dạn đầu tư, không ngừng phát triển trong lĩnh vực tư vấn, cho thuê và tổ chức sự kiện.

Năm 2010, Trung tâm sự kiện và truyền thông Haseco (hiện nay thuộc phòng Kinh doanh & marketing) – đơn vị trực thuộc quản lý của Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội ra đời để thực hiện những công việc này. Trải qua từng bước phát triển lớn mạnh, Công viên Hồ Tây đã khẳng định được thương hiệu trong lĩnh vực tổ chức sự kiện, hội nghị hội thảo: là đơn vị tổ chức các sự kiện lớn của thủ đô như tổ chức thành công chương trình Âm thực Hà Thành chào mừng kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội..., tổ chức các chương trình ấn tượng, độc đáo như ngày hội gia đình, nhạc hội, ngày lễ tình yêu, Noel..., các sự kiện mang tính chất xã hội..., tổ chức tiệc cưới trong và ngoài trời với năng lực phục vụ cả nghìn khách cùng một lúc.

Tháng 5/2013, Trung tâm du lịch (Haseco travel) ra đời - nằm trong chiến lược đa dạng hoá sản phẩm, gia tăng nguồn thu về cho Công ty và quảng bá thương hiệu. Kinh doanh du lịch với đặc điểm là ngoài hiệu quả kinh tế thu được thì có ý nghĩa về mặt thương hiệu. Trong thời gian qua, Trung tâm du lịch Haseco travel đã tích cực trong việc tiếp thị, quảng bá, khai thác thị trường, củng cố đào tạo đội ngũ nhân viên, xây dựng và phát triển sản phẩm với những gói sản phẩm phong phú: Tour nội địa bao gồm Tour Công viên Hồ Tây, tour cuối tuần, tour lễ hội, tour du lịch biển, tour hội nghị hội thảo, tour tìm hiểu các dân tộc Việt Nam.... Tour du lịch nước ngoài bao gồm: Châu Á, Âu, Mỹ... Việc ra đời của Trung tâm du lịch đã góp phần thúc đẩy doanh thu cho các mảng hoạt động khác như Công viên Mặt Trời Mới, bán lẻ, ẩm thực... và góp phần không nhỏ vào sự thành công của Công viên Hồ Tây.

Trải qua gần 20 năm phát triển, với sự cố gắng lao động, sáng tạo không mệt mỏi của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội - Haseco dần khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường vui chơi giải trí của Thành phố Hà Nội nói riêng và các tỉnh thành phía Bắc nói chung. Những thành quả

đáng ghi nhận mà Công ty đã đạt được trong thời gian qua như:

- ✓ Bằng khen của Tổng cục du lịch Việt Nam năm 2000
- ✓ Bằng khen của Bộ văn hóa thể thao năm 2000, 2002
- ✓ Bằng khen hội liên hiệp thanh niên Việt Nam năm 2002
- ✓ Bằng khen của Ủy ban quốc gia về hợp tác-kinh tế quốc tế năm 2003
- ✓ Bằng khen của chủ tịch UBND thành phố Hà Nội các năm 2003, 2005
- ✓ Giải thưởng sao vàng Đất Việt năm 2003
- ✓ Bằng khen của UBND thành phố Hà Nội năm 2010 về thành tích tổ chức tốt sự kiện: **“1000 năm Thăng Long – Hà Nội”**
- ✓ Từ năm 2007 -2011, Công viên Hồ Tây liên tục được chứng nhận là 1 trong 500 thương hiệu mạnh tại Việt Nam do tổ chức AC Nielsen khảo sát và bình chọn.
- ✓ Năm 2006, 2008 và năm 2011, Khu vui chơi giải trí công viên Hồ Tây đã được người tiêu dùng bình chọn là thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam; được vinh danh trên bảng vàng: **“Thăng Long – Doanh nghiệp văn hóa năm 2010”**.
- ✓ Năm 2011, Khu vui chơi giải trí công viên Hồ Tây vinh dự được nhận giải thưởng Top 500 sản phẩm, dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam do người tiêu dùng bình chọn.
- ✓ Top 20 dịch vụ hoàn hảo do người tiêu dùng bình chọn năm 2014.
- ✓ Năm 2015, Công viên Nước Hồ Tây được tạp chí BuzzFeed bình chọn là một trong 15 Công viên nước đáng ghé thăm nhất Thế Giới.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a) Ngành nghề kinh doanh:

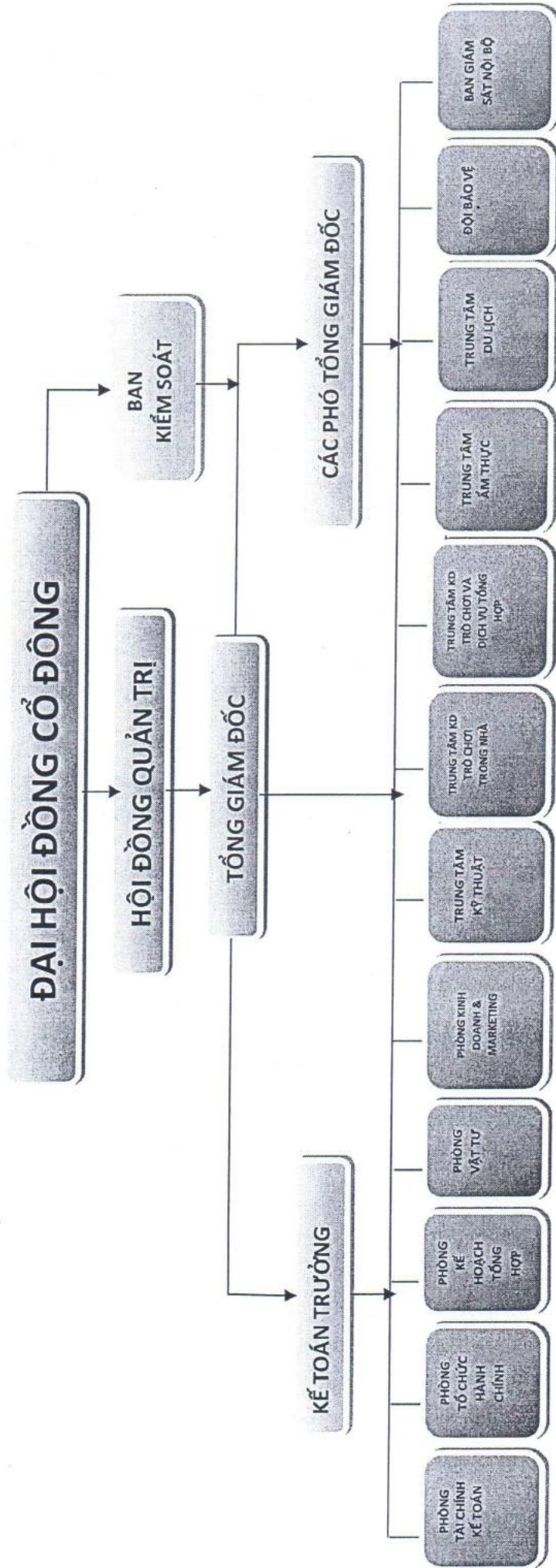
- Kinh doanh các trò chơi dưới nước, trên cạn;
- Tổ chức sự kiện, cho thuê địa điểm tổ chức sự kiện;
- Kinh doanh ẩm thực;
- Đại lý du lịch;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; bán buôn, bán lẻ đồ uống.

b) **Địa bàn kinh doanh:** Haseco hoạt động chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hà Nội, các thành phố và các tỉnh Miền Bắc;

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) **Mô hình quản trị:** Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần có cơ cấu gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tiếp tục triển khai thực hiện lộ trình Quy hoạch tổng thể khu vui chơi giải trí công viên Hồ Tây;
- Tỷ lệ cổ tức năm 2019 đạt 7% tăng 16,67% so với năm 2018;
- Áp dụng công nghệ cao vào quy trình tác nghiệp của công viên và quy trình quản lý;
- Tiếp tục đẩy mạnh và phát triển thương hiệu “Công viên Hồ Tây”;
- Chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, an toàn cho Công viên nước và Công viên Mặt trời mới;
- Nâng cao hiệu quả việc sử dụng nguồn nhân lực công ty;

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục hoàn thiện lộ trình Quy hoạch tổng thể khu vui chơi giải trí Công viên Hồ Tây;
- Xây dựng kế hoạch phát triển công viên Hồ Tây 5 năm giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn tới năm 2030;
- Biến khu vui chơi giải trí Công viên Hồ Tây trở thành địa điểm tham quan, vui chơi giải trí quy mô và có giá trị, thu hút khách du lịch, kết nối và hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, giao thông tại khu vực, khai thác tối đa vị trí đặc địa của khu đất.

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như lợi ích của công ty;
- Chăm lo đời sống người lao động;
- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng. Đặc biệt là vấn đề bảo vệ môi trường.

5. Các rủi ro

- Môi trường kinh doanh vẫn còn chứa đựng nhiều rủi ro và thách thức;
- Yếu tố thời tiết và mùa vụ khó lường;
- Áp lực cạnh tranh trong lĩnh vực vui chơi giải trí từ các tập đoàn lớn và các khu vui chơi trong các khu chung cư, trung tâm thương mại;
- Diện tích nhỏ hẹp với mục đích sử dụng chỉ là vui chơi và giải trí;
- Các trò chơi cũng đã cũ, chưa có nhiều đổi mới.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) **Tổng lượng khách:** đạt 518.810 lượt khách, tăng 17.402 lượt khách hay tăng 3,47% so với năm 2017;

b) Tổng doanh thu: đạt hơn 150,44 tỷ đồng, tăng 31,01 tỷ đồng hay tăng 25,96% so với năm 2017, trong đó: Doanh thu các hoạt động tự doanh đạt hơn 83,47 tỷ đồng tăng 4,82 tỷ đồng hay tăng 6,13%; Doanh thu tour du lịch (là hoạt động phát sinh doanh thu ngoài công viên) đạt hơn 56,97 tỷ đồng, tăng 26,17 tỷ đồng hay tăng 84,97%; Doanh thu từ hợp đồng HTKD Sen Tây Hồ đạt hơn 9,99 tỷ đồng, tăng 18,7 triệu đồng hay tăng 0,19%.

c) Một số giải pháp đã thực hiện:

Năm 2018, trước những khó khăn bất lợi từ thời tiết ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động công viên nước do tháng 7, tháng 8 mưa liên tục 45 ngày làm hoạt động công viên nước tê liệt, nhưng với các chỉ đạo đúng hướng từ hội đồng quản trị đặc biệt là việc đầu tư thay mới kịp thời và đưa vào khai thác sử dụng hệ thống máng trượt đa làn được nhập khẩu từ Tây Ban Nha – đối tác cung cấp đồng bộ hệ thống thiết bị công viên nước từ thời gian đầu của công viên, đã tạo điểm nhấn cho mùa hoạt động công viên nước 2018, được khách hàng ghi nhận, kết hợp với nhiều chương trình khuyến mại hấp dẫn vào những ngày nắng nóng hoặc các tuần thấp điểm nên doanh thu và lượng khách công viên nước năm nay đạt được mức tăng trưởng rất tích cực (doanh thu công viên nước năm 2018 đạt 43,66 tỷ đồng, tăng 8,07% so với năm 2017), tạo điều kiện thúc đẩy gia tăng doanh thu các hoạt động kinh doanh khác tại công viên.

Cũng trong năm 2018, Công ty chú trọng đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng cải tạo cảnh quan thay đổi toàn diện công viên xanh đẹp và hiện đại hơn.

Kết quả là các chỉ tiêu của công ty đều tăng trưởng, tổng lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 7,787 tỷ đồng, tăng 1,41 tỷ đồng hay tăng 22,12% so với cùng kỳ 2017. Lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 6,131 tỷ đồng, tăng 1,096 tỷ đồng hay tăng 21,77% so với cùng kỳ 2017.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Thị Vân	Tổng Giám đốc
2	Hoàng Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc
3	Nghiêm Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Thị Nhạn	Phó Tổng Giám đốc
5	Vũ Quang Tuyên	Kế toán trưởng

❖ Bà Nguyễn Thị Vân

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ VÂN
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 011991381
- Ngày cấp: 20/03/2012
- Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 12/09/1972
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Phòng 1102 - B13 - Ban Đảng TW, tổ 15, phường Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
- Số điện thoại: 0904.227.576
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân QTKD - Trường ĐH Kinh tế quốc dân
 - Nghiệp vụ chuyên môn về Quản trị kinh doanh
 - Nghiệp vụ chuyên môn về khách sạn, nhà hàng
- Quá trình công tác:
 - Từ 10/1991 đến 2008:
 - ✓ Nhân viên, phó phụ trách, phụ trách khối Nhà hàng – Khách sạn Hòa Bình
 - ✓ Bí Thư Đoàn TN Khách sạn Hoà Bình, Bí thư Đoàn TN Tổng Công ty Du lịch Hà Nội
 - Từ 04/2008 đến 07/2008: Bí thư Đoàn TN chuyên trách Tổng Công ty Du lịch Hà Nội.
 - Từ 07/2008 đến 08/2011: Phó Chánh VP Tổng Công ty Du lịch Hà Nội , kiêm Bí Thư Đoàn Thanh niên.
 - Từ 08/2011 đến 4/2016:
 - ✓ Trưởng phòng Quản lý Kinh doanh nhà Văn Phòng Tổng Công ty Du lịch Hà Nội, Bí thư Chi bộ Phòng (Kiêm Bí thư Đoàn thanh niên – đến 08/2012)
 - ✓ Ủy viên Ban chấp hành Đảng Bộ Tổng công ty, Phó Ban Dân vận Đảng ủy TCT; Phụ trách Chi bộ Trung tâm thương mại và Dịch vụ Du Lịch.
 - ✓ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Đô
 - Từ 05/2016 đến nay:
 - ✓ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - ✓ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Đô

- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Đô.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 1.015.923 cổ phần cho Tổng công ty DL Hà Nội
 - **Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không*
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:
 - Công ty cổ phần Đông Đô: 120.000 cổ phần trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 120.000 cổ phần

❖ **Ông Hoàng Văn Toàn**

- Họ và tên: **HOÀNG VĂN TOÀN**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 030072000084
- Ngày cấp: 21/10/2014
- Nơi cấp: CA TP. Hà Nội.
- Ngày tháng năm sinh: 20/05/1972
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Hà, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Tổ 18, cụm 3 Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội
- Số điện thoại: 0914.953.304
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - ✓ Cơ khí chế tạo máy - Đại học Bách khoa
 - ✓ Quản trị kinh doanh - Đại học Bách khoa
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 08/1994 đến 01/2003: Nhân viên thiết kế phòng kỹ thuật tại Công ty Dụng cụ cơ khí xuất khẩu.
 - ✓ Từ 02/2003 đến 10/2006: Thư ký ISO, trợ lý cho đại diện lãnh đạo (QMA) về hệ thống quản lý tại Công ty Dụng cụ cơ khí xuất khẩu.

- ✓ Từ 01/11/2006 đến 15/01/2007: Trợ lý kỹ thuật cho Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- ✓ Từ 15/01/2007 đến 11/2011: Trưởng phòng kỹ thuật, giám đốc trung tâm Kỹ thuật Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- ✓ Từ 11/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc trung tâm kỹ thuật Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc trung tâm kỹ thuật Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 7.000 cổ phần (chiếm 0,08% vốn cổ phần của Công ty)
- *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 7.000 cổ phần
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

**Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không*

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không

❖ **Bà Nghiêm Thị Hồng Hạnh**

- Họ và tên: **NGHIÊM THỊ HỒNG HẠNH**
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 111375281
- Ngày cấp: 28/02/2009
- Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 19/12/1978
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Từ Liêm, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 518 - A25 Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại: 0943.133.042
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - ✓ Cử nhân Hành chính – Học viện Hành chính Quốc Gia
 - ✓ Cử nhân ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 04/2003 đến 09/2003: Thư ký Trưởng nhóm kinh doanh D27 – Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam

- ✓ Từ 10/2003 đến 09/2005: Nhân viên khai thác bán hàng, Thống kê Công ty bảo hiểm Hà Nội
- ✓ Từ 09/2005 đến 11/2007: Thư ký Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- ✓ Từ 11/2007 đến 09/2011: Thư ký Hội đồng Quản trị, Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- ✓ Từ 09/2011 đến 04/2014: Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- ✓ Từ 04/2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

**Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:*

Chồng: Trịnh Thái Nghĩa: Sở hữu 1.400 cổ phần

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không

❖ Bà Lê Thị Nhạn

- Họ và tên: **LÊ THỊ NHẠN**
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 012847646
- Ngày cấp: 09/03/2006
- Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 01/07/1978
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: P105 - nhà 7 - số 2 Bùi Ngọc Dương - Thanh Nhàn - Hai Bà Trưng - Hà Nội
- Số điện thoại: 0913.383.809
- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân đại học KHXH và NV – Du lịch
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 12/2000 đến 04/2001: Nhân viên khách sạn 5* Melia Hà Nội
 - ✓ Từ 05/2001 đến 05/2010: Trưởng lễ tân, trưởng phòng sale, trợ lý giám đốc, Phó Giám đốc khách sạn 3* Holidays Hà Nội
 - ✓ Từ 05/2010 đến 05/2012: Trưởng phòng Kinh doanh & Marketing - Giám đốc Trung tâm Tổ chức Sự kiện tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - ✓ Từ 06/2012 đến 05/2013: Quản lý điều hành Công ty TNHH Du lịch Không gian VN
 - ✓ Từ tháng 7/2013 - 4/2015 Giám đốc Trung tâm du lịch Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
 - ✓ Từ 05/2015 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm du lịch Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm du lịch Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- *Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không*
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không

❖ **Kế toán trưởng**

- Họ và tên: **VŨ QUANG TUYÊN**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 012823878 Ngày cấp: 25/8/2005
- Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 22/12/1968
- Nơi sinh: Xã Toàn Thắng – Huyện Kim Động – Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Số 7 Ngõ 114 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: 0913.571.428

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học kinh tế quốc dân
- Quá trình công tác:
 - Từ 02/1988 đến 01/1990: Thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Trường Hạ Sĩ quan trình sát chuyên môn kỹ thuật (T700) thuộc Cục Nghiên cứu, nay là Tổng cục II – Bộ Quốc Phòng, cấp bậc Hạ Sĩ, làm kế toán tài vụ và quản lý cơ quan Hiệu bộ nhà trường.
 - Từ 09/1990 đến 08/1994: Học tập tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Khoa Ngân hàng – Tài chính.
 - Từ 10/1994 đến 12/2008: Kế toán trưởng và kiêm nhiệm Chủ tịch Công đoàn nhiệm kỳ I (1995–1997) tại Chi nhánh Công ty Dịch vụ Du lịch Bến Thành tại Hà Nội.
 - Từ 01/2009 đến 07/2010:
 - ✓ Phó Giám đốc và kiêm nhiệm Bí thư Chi bộ Chi nhánh Công ty dịch vụ Du lịch Bến Thành tại Hà Nội.
 - ✓ Giám đốc Chi nhánh Công ty dịch vụ Du lịch Bến Thành tại Hà Nội.
 - Từ 08/2010 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP dịch vụ giải trí Hà Nội.
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- *Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không*
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: không

b) Những thay đổi trong ban điều hành: không có

c) Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Số lượng lao động bình quân/ tháng: 259 người/ tháng.
- Các chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động: Công ty cố gắng đảm bảo cho người lao động có thu nhập ổn định, được nhận tiền lương tương xứng với năng suất lao động để duy trì và nâng cao hiệu quả lao động. Ngoài ra, khi Công ty kinh doanh có hiệu quả thì người lao động được hưởng thêm phần lương hiệu quả kinh doanh, lương tháng 13,14 và thưởng doanh số theo từng ngày, thưởng các ngày lễ... Luôn tuân thủ và thực hiện đúng pháp luật về chế độ lương, thưởng và chế độ bảo hiểm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục theo sát và đưa ra những chỉ đạo kịp thời cho Ban điều hành công ty trọng việc thực hiện dự án: Thay thế hệ thống máng trượt đa làn Công viên nước đã xuống cấp, đảm bảo chất lượng phục vụ khách hàng đến vui chơi. Hệ thống máng trượt đã hoàn thiện và kịp thời vận hành vào mùa hoạt động công viên nước năm 2018. Đây chính là một trong những nguyên nhân chính làm tăng doanh thu cho công viên nước năm 2018.
- Tăng cường công tác duy tu, bảo dưỡng MMTB và hạ tầng Công viên nước và Công viên MTM, đảm bảo hệ thống các thiết bị trò chơi thường xuyên được kiểm định chất lượng theo quy định và tuyệt đối an toàn trong quá trình vận hành.
- Cải tạo, nâng cấp hệ thống vệ sinh trong công viên để nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Chinh trang lại các cảnh quan của Công viên cho đẹp hơn, tạo thêm nhiều tiểu cảnh đẹp đáp ứng nhu cầu chụp ảnh và thư giãn cho khách hàng. Đảm bảo cho Công viên Hồ Tây luôn có một môi trường xanh, sạch, đẹp.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	123.474,1	127.540,1	3,29
Doanh thu thuần	119.436,7	150.447,4	25,96
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.795,6	7.564,5	30,52
Lợi nhuận khác	580,9	222,8	-61,65
Lợi nhuận trước thuế	6.376,5	7.787,3	22,12
Lợi nhuận sau thuế	5.035,2	6.131,4	21,77

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,80	2,83

Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		
+ Hệ số thanh toán nhanh:	2,62	2,72
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho		
Nợ ngắn hạn		
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,083	0,104
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,090	0,115
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	50,26	66,50
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,97	1,18
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,042	0,040
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,044	0,053
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,041	0,048
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,049	0,050

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

STT	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần năm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước		9.294.650	99,97%
	<i>Trong đó:</i>			
	- Tổ chức:	7	8.032.065	86,39%
	- Cá nhân:	412	1.262.585	13,58%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
	<i>Trong đó:</i>			
	- Tổ chức:	0	0	0%
	- Cá nhân:	0	0	0%
III	Cổ phiếu quỹ	1	2.800	0,03%
	Tổng cộng		9.297.450	100%

Tính đến thời điểm 27/02/2019 Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội có 9.297.450 cổ phần, trong đó số cổ phần đang lưu hành là 9.294.650 được nắm giữ bởi 419 cổ đông, tất cả 9.294.650 cổ phần đang lưu hành của Công ty đều có quyền chuyển nhượng tự do. 100% cổ đông của Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội là cổ đông trong nước, và công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

b) Cơ cấu cổ đông:

Dựa vào các tiêu chí, danh sách cổ đông của Công ty cổ phần dịch vụ Giải trí Hà Nội được chia theo cơ cấu như sau:

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
(Phân theo tỷ lệ sở hữu)



■ Cổ đông lớn ■ Cổ đông nhỏ

Phân chia theo tỷ lệ sở hữu, cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội được chia làm 2 loại: nhóm cổ đông lớn và nhóm cổ đông nhỏ. Theo khoản 9 điều 6 Luật chứng khoán hiện hành, “**Cổ đông lớn** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành”. Nhóm cổ đông lớn của Haseco gồm các cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Theo danh sách Cổ đông của Haseco được chốt ngày 27/02/2019, các Cổ đông lớn bao gồm: Tổng công ty du lịch Hà Nội, Tập đoàn Bảo Việt, Công ty TNHH Trí Thành, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Thành Đô, Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Sen. Nhóm cổ đông nhỏ bao gồm các cổ đông còn lại.

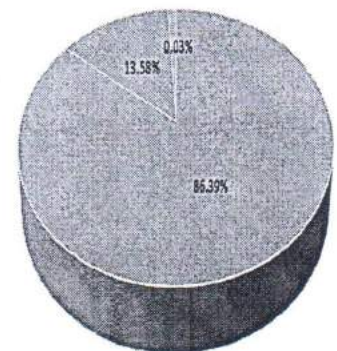
Cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần dịch vụ Giải trí Hà Nội khi chia theo đặc trưng của cổ đông sở hữu, gồm: Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân.

✓ Nhóm cổ đông là tổ chức bao gồm:

1. Tổng Công ty du lịch Hà Nội
2. Tập đoàn Bảo Việt
3. Công ty TNHH Trí Thành
4. Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Thành Đô
5. Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Sen
6. Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt
7. Công ty Cổ phần thương mại Con Kiến
8. Công ty Cổ phần dịch vụ Giải trí Hà Nội (nắm giữ cổ phiếu quỹ)

Nhóm cổ đông là cá nhân nắm giữ cổ phần của Công ty.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



■ Tổ chức: ■ Cá nhân: ■ Cổ phiếu quỹ

Theo danh sách cổ đông của Haseco được chốt ngày 27/02/2019, 100% cổ đông của Haseco là cổ đông trong nước, trong đó cổ đông là doanh nghiệp nhà nước chiếm 45,927% (Tổng công ty du lịch Hà Nội), còn lại 54,073% cổ phiếu được nắm giữ bởi cổ đông khác (bao gồm doanh nghiệp, cá nhân trong nước).



Số liệu được sử dụng theo danh sách cổ đông Haseco được chốt ngày 27/02/2019

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm	Số lượng phát hành (cổ phần)	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Năm 1999	450.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	45.000.000.000	Thành lập Công ty.	
Tháng 3/2000	240.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	24.000.000.000	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức cho cổ đông sáng lập (hưởng mức cổ tức ưu đãi cố định là 8%/năm, áp dụng trong khoảng thời gian 5 năm; từ năm 2000 đến năm 2005)	- NQ ĐHĐCĐ số 01/2000/NQ/ĐHĐCĐ. HASECO ngày 21/03/2000 (để hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 của Công viên Hồ Tây)
Tháng 01/2001	90.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	9.000.000.000	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức cho cổ đông sáng lập (hưởng mức cổ tức ưu đãi cố định là 8,4%/năm, áp dụng trong khoảng thời gian 5 năm; từ năm 2001 đến năm 2006)	NQ ĐHĐCĐ số 388/NQ/ĐHĐCĐ/2000 ngày 25/11/2000.
Tháng 08/2001	1.497.450 (MG: 10.000 đồng/cổ phần)	14.974.500.000	Chào bán cho cán bộ công nhân viên, cổ đông sáng lập và bán đấu giá.	Biên bản ĐHĐCĐ số 05/2001/BB/ĐHĐCĐ-HASECO ngày 23/07/2001
Cộng:	9.297.450	92.974.500.000		

Nguồn: Haseco

Chú ý:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100844825 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/08/1999 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19/07/2016, vốn điều lệ của Haseco là 100.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm 30/09/2011, vốn điều lệ thực góp của Công ty là 92.974.500.000 đồng. Điều này là do năm 2001, Công ty dự kiến tăng vốn lên 100 tỷ đồng nhưng số cổ phần thực tế phát hành được không đủ để tăng lên mức vốn nêu trên, khi đó, vốn điều lệ Công ty chỉ đạt 92.974.500.000 đồng. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh lại mức vốn điều lệ của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời gian sớm nhất.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Hiện tại Công ty có 2.800 cổ phiếu quỹ. Không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2018.

e) Các chứng khoán khác:

- Các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm: không có
- Số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty đối với cá nhân, tổ chức khác liên quan đến việc phát hành chứng khoán: không có

44

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vui chơi giải trí lớn nhất miền Bắc, hơn nữa các hoạt động vui chơi của Công viên Hồ Tây đều được tổ chức ngoài trời, nên yếu tố môi trường giữ vai trò quan trọng tác động đến kết quả kinh doanh của Công viên Hồ Tây. Đặc biệt chúng tôi thấu hiểu rằng sự thành công của một doanh nghiệp không chỉ đơn giản là những con số về doanh thu thể hiện trên các bản báo cáo mà còn là những giá trị vượt trội mà doanh nghiệp xây dựng trong lòng khách hàng và mang lại cho cộng đồng và xã hội. Vì vậy, việc đảm bảo môi trường để phát triển bền vững là yếu tố hàng đầu mà Ban lãnh đạo Haseco quan tâm.

6.1) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Chúng tôi đặc biệt quan tâm đến việc đảm bảo không gian trong lành, cảnh quan tươi xanh. Việc xử lý nước thải được đặc biệt quan tâm, đó là đầu tư hệ thống xử lý nước thải hiện đại, thân thiện với môi trường. Hàng quý Công ty còn quan trắc và lập báo cáo về chất lượng nước thải theo quy định.

Công ty có khu tập kết và xử lý rác thải sinh hoạt riêng biệt, có kho chứa chất thải nguy hại theo đúng quy định.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.2) Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động bình quân/ tháng: 259 người/tháng.
- Tiền lương bình quân: 5.724.000 đ/ người/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty cố gắng đảm bảo cho người lao động có thu nhập ổn định, được nhận tiền lương tương xứng với năng suất lao động để duy trì và nâng cao hiệu quả lao động. Ngoài ra, khi Công ty kinh doanh có hiệu quả thì người lao động được hưởng thêm phần lương hiệu quả kinh doanh, lương tháng 13,14 và thưởng doanh số theo từng ngày, thưởng các ngày lễ...
- Công ty thực hiện các chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ như ốm đau, thai sản... theo đúng quy định của Pháp luật.
- Ngoài được hưởng tiền lương, thưởng người lao động còn được hưởng một số trợ cấp khác như: được tặng quà nhân các ngày như: 8/3,20/11,27/7,22/12, thăm hỏi ốm đau, ma chay hiếu hỉ... theo quy định của Công ty.
- Thời giờ nghỉ ngơi:
 - Nhân viên khối văn phòng được bố trí nghỉ vào ngày nghỉ cuối tuần.
 - Nhân viên khối tác nghiệp do tính chất hoạt động dịch vụ được bố trí nghỉ 01 ngày trong tuần.
 - Nghỉ phép, nghỉ lễ tết, nghỉ chế độ... người lao động được nghỉ việc, hưởng nguyên lương theo quy định của Nhà nước.
- Khen thưởng: có chế độ khen thưởng CBNV hoàn thành suất sắc nhiệm vụ hàng năm, hàng tháng, có khen thưởng sáng kiến, đột xuất... theo quy định của Công ty.
- An toàn lao động, VSLĐ: Công ty có trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động cho người lao động. Xây dựng và ban hành nội quy về ATLĐ, VSLĐ cho các máy móc thiết bị và các công việc có nguy cơ tai nạn, nguy hiểm độc hại.
- Công ty có phòng Y tế riêng với trang thiết bị, thuốc men đầy đủ. Hàng năm công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo đúng quy định.
- Công ty có bếp ăn công đoàn đã được đầu tư công cụ, dụng cụ đảm bảo về chất lượng cũng như đảm bảo ATVSTP để phục vụ cho người lao động.
- Hàng năm công ty đều tổ chức cho người lao động đi thăm quan nghỉ mát.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:
Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm là: 30h/ nhân viên
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.
- Công ty có tổ chức các khóa đào tạo tổng quan và đào tạo nghiệp vụ tại Công ty. Khóa đào tạo tổng quan Công ty: cung cấp cho người lao động kiến thức tổng quan về Công ty: giới thiệu lịch sử hình thành, mô hình tổ chức, định hướng loại hình sản phẩm dịch vụ, nội quy, quy chế và văn hóa Công ty...
 - Khóa đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng cho từng vị trí Công việc: Cứu hộ, bán lẻ cho thuê đồ bơi, bán hàng Ẩm thực, lễ tân chăm sóc khách hàng, soát vé, locker, Tổ xe, Tổ vé, Thu ngân...
 - Ngoài tổ chức các lớp đào tạo tại Công ty, Công ty còn tổ chức các khóa đào tạo nâng cao kiến thức, phát triển kỹ năng ngoài doanh nghiệp: Đào tạo Quản lý cấp trung, đào tạo thư ký, đào tạo kỹ năng bán hàng, kỹ năng thuyết trình....
 - Các khóa đào tạo theo yêu cầu của công việc: đào tạo nghiệp vụ cứu hộ, bảo vệ, ATVSLĐ, ATVSTP, PCCC...

6.3) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng luôn được Ban lãnh đạo Haseco chú trọng. Công ty luôn chú trọng đến hoạt động khuyến góp, ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai, hỏa họa, trợ cấp và tặng quà cho các gia đình chính sách, các cháu nhỏ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Phân tích tổng quan về hoạt động công ty

Một số chỉ tiêu kinh doanh chính

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện		Mức biến động so với kỳ trước		Tỉ lệ % so với doanh thu thuần	
		Năm 2018	Năm 2017	Số tiền	Tỉ lệ %	Năm	Năm

						2018	2017
1	Tổng Doanh thu	150.447,4	119.436,7	31.010,7	25,96	-	-
2	Các khoản giảm trừ	-	-	-	-	-	-
3	Doanh thu thuần	150.447,4	119.436,7	31.010,7	25,96	100,00	100,00
4	Giá vốn h/hóa, dịch vụ	104.470,5	72.660,2	31.810,3	43,78	69,44	60,84
5	Lợi nhuận gộp	45.976,9	46.776,5	-799,6	-1,71	30,56	39,16
6	Doanh thu tài chính	1.502,2	951,0	551,3	57,97	1,00	0,80
7	Chi phí tài chính		-				
8	Chi phí bán hàng	19.791,0	19.937,9	-146,8	-0,74	13,15	16,69
9	Chi phí quản lý	20.123,6	21.994,0	-1.870,4	-8,50	13,38	18,41
10	Lợi nhuận thuần	7.564,5	5.795,6	1.768,9	30,52	5,03	4,85
11	Thu nhập khác	222,9	581,0	-358,1	-61,64	0,15	0,49
12	Chi phí khác	0,1	-	0,1	-	-	-
13	Lợi nhuận khác	222,8	580,9	-358,2	-61,65	0,15	0,49
14	Lợi nhuận trước thuế	7.787,3	6.376,5	1.410,8	22,12	5,18	5,34
15	Chi phí thuế TNDN	1.655,9	1.341,3	314,6	23,45	1,10	1,12
16	LN sau thuế TNDN	6.131,4	5.035,2	1.096,2	21,77	4,08	4,22

Phân tích nguyên nhân:

Bước vào đầu năm 2018, tình hình kinh tế xã hội Việt Nam phải đối mặt với nhiều thách thức: ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vừa là cơ hội cũng là thách thức cho Việt Nam tận dụng để thu hút các luồng vốn đầu tư dịch chuyển từ Trung Quốc sang; khó khăn thách thức về chất lượng tăng trưởng chưa được cải thiện nhiều, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp, sự sụt giảm của ngành khai khoáng, và đặc biệt là diễn biến phức tạp của thời tiết, biến đổi khí hậu, thiên tai, bão lũ liên tiếp xảy ra tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Đối với Công viên Hồ Tây – là một khu vui chơi giải trí ngoài trời nên yếu tố thời tiết, khí hậu và tính mùa vụ có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty, ngoài ra còn một số nhân tố sau:

- Đặc điểm hoạt động của công viên là sử dụng nhiều lao động phổ thông nên chính sách điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng trong mấy năm trở lại đây đã làm tăng mạnh chi phí hoạt động của doanh nghiệp.
- Nhiều thiết bị trò chơi đã được đầu tư cách nay đã 17-18 năm nên các chi phí duy tu, SCBD là khá lớn. Ngoài ra công ty cũng phải thường xuyên quan tâm đến việc nâng cấp hạ tầng, cải tạo cảnh quan để đáp ứng nhu cầu, thị hiếu ngày càng cao của khách hàng.
- Áp lực cạnh tranh chia sẻ thị phần ngày càng gay gắt với nhiều khu vui chơi giải trí khác ở Hà Nội và các tỉnh lân cận.

Năm 2018, tiếp tục xuất hiện những diễn biến khó lường của biến đổi khí hậu, kéo theo các hiện tượng thời tiết cực đoan đã có ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động kinh doanh ngoài trời của công ty, đặc biệt là hiện tượng nắng nóng và tần suất mưa bão nhiều trong các tháng cao điểm (tháng 5+6+7) của mùa hoạt động công viên nước. Việc chuyển công CVN ra phía ngoài để mở rộng không gian tạo sự thông thoáng cho khách hàng đến vui chơi là bước đi đúng hướng góp phần thúc đẩy lượng khách và doanh thu CVN năm 2017, tuy nhiên cảnh quan cây xanh vẫn còn nhiều hạn chế nên trong năm 2018 này đã được công ty đầu tư xây dựng mới (tiểu cảnh khu Games, Sen Hồng, nhà tròn,...), chỉnh trang và bổ sung hoa cây cảnh cho các khu tiểu cảnh hiện có (tiểu cảnh công Lâu đài, cây đa, hàng cau vua...) Đặc biệt, việc đầu tư thay mới kịp thời và đưa vào khai thác sử dụng hệ thống máng trượt đa làn được nhập khẩu từ Tây Ban Nha đã tạo điểm nhấn cho mùa hoạt động CVN năm 2018, kết hợp với các chương trình khuyến mại hấp dẫn vào những ngày nắng nóng hoặc các tuần thấp điểm nên doanh thu và lượng khách CVN năm nay đạt được mức tăng trưởng rất tích cực, tạo điều kiện thúc đẩy gia tăng doanh thu các hoạt động kinh doanh khác tại công viên.

Trước tình hình đó, Ban điều hành công ty đã rất sát sao trong công tác chỉ đạo điều hành, tăng cường các giải pháp thúc đẩy kinh doanh để tìm kiếm và khai thác khách hàng mới và đặc biệt là các giải pháp tiết kiệm chi phí để duy trì và nâng cao hiệu quả kinh doanh đã đạt được, góp phần làm cho kết quả kinh doanh năm hay của công ty đạt và vượt mức kế hoạch mà đại hội đồng cổ đông đã giao.

Tổng Doanh thu năm 2018 đạt 150,44 tỷ đồng tăng 31,01 tỷ đồng hay tăng 25,96% so với năm 2017.

Trong đó, doanh thu công viên nước năm 2018 đạt 43,66 tỷ đồng, tăng 3,26 tỷ đồng hay tăng 8,07% so với năm 2017. Doanh thu bộ phận kinh doanh ẩm thực đạt hơn 15,91 tỷ đồng, tăng 2,97 tỷ đồng hay tăng 22,97% so với năm 2017. Doanh thu tổ chức sự kiện đạt 23,03 tỷ đồng, tăng 1,35 tỷ đồng hay tăng 6,22% so với năm 2017. Doanh thu tour du lịch đạt 56,97 tỷ đồng, tăng 26,17 tỷ đồng hay tăng 84,97% so với năm 2017.

Tổng lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 7,787 tỷ đồng, tăng 1,41 tỷ đồng hay tăng 22,12% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 6,131 tỷ đồng, tăng 1,096 tỷ đồng hay tăng 21,77% so với năm 2017.

1.2. Những tiến bộ đã đạt được:

- Công tác duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị thường xuyên được quan tâm duy trì, tuân thủ theo quy định của nhà sản xuất. Định kỳ kiểm tra sơn sửa các máng trượt, nạo vét các giếng để đảm bảo nguồn cấp nước ổn định phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Công tác đảm bảo an toàn trong vận hành máy móc thiết bị: hàng năm thực hiện kiểm định toàn bộ các thiết bị trò chơi theo quy định của cơ quan chức năng, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành của nhà sản xuất, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho khách hành đến vui chơi tại Công viên Hồ Tây.
- Cải tạo, nâng cấp hệ thống vệ sinh trong công viên để nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Thay thế hệ thống máng trượt đa làn công viên nước đảm bảo chất lượng
- Các cảnh quan của Công viên được chỉnh trang lại cho đẹp hơn, tạo thêm nhiều tiểu cảnh đẹp đáp ứng nhu cầu chụp ảnh và thư giãn cho khách hàng. Đảm bảo cho Công viên Hồ Tây luôn có một môi trường xanh, sạch, đẹp.
- Đời sống vật chất, tinh thần và các chế độ người lao động luôn được quan tâm và đảm bảo.
- Công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu Công viên Hồ Tây được đẩy mạnh gắn với các sự kiện, sản phẩm trên các kênh thông tin như: các trang web, facebook, VOV giao thông và một số kênh truyền hình trung ương và địa phương lân cận với thời lượng và thời điểm phù hợp, đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

2. Tình hình tài chính

- Về tổng tài sản: Tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/2018 là 127,54 tỷ đồng, tăng 4,06 tỷ đồng hay tăng 3,29% so với cùng kỳ 2017, trong đó: Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 234,9 triệu đồng hay giảm 3,68%; Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 13,5 tỷ đồng hay tăng 128,57% do tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng tăng; Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 4,44 tỷ đồng hay giảm 52,38%; Hàng tồn kho giảm 328,7 triệu đồng hay giảm 18,95%; Tài sản ngắn hạn khác giảm 333,8 triệu đồng hay giảm 65,53%; Tài sản dài hạn giảm 4,09 tỷ đồng hay giảm 4,27% do trích khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn.

- Về tổng nguồn vốn: Tổng nguồn vốn của công ty tại ngày 31/12/2018 là 127,54 tỷ đồng, tăng 4,06 tỷ đồng hay tăng 3,29% so với cùng kỳ 2017, trong đó: Nợ phải trả tăng 2,97 tỷ đồng hay tăng 29,03% là do: Phải trả người bán giảm 397,2 triệu đồng; người mua trả tiền trước tăng 175,9 triệu đồng; thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng 268,6 triệu đồng; phải trả người lao động tăng 1,19 tỷ đồng; Các khoản phải trả tăng 2,14 tỷ đồng; Doanh thu chưa thực hiện giảm 925,4 triệu đồng; Các khoản phải trả khác tăng 506,7 triệu đồng hay tăng 31,78%. Vốn chủ sở hữu tăng 1,09 tỷ đồng hay tăng 0,97% là do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng so với cùng kỳ năm 2017.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Khẩn trương thực hiện các chỉ đạo của HĐQT trong các Nghị quyết của HĐQT phát hành đặc biệt là các vấn đề:
 - Thay thế máng trượt đa làn đúng thời hạn mùa hoạt động công viên nước 2018.
 - Tái cấu trúc nguồn nhân lực.
 - Hoàn chỉnh hạ tầng, nâng cấp nhà vệ sinh tắm tráng công viên, duy tu bảo dưỡng thiết bị, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho khách hàng tới vui chơi tại công viên.
 - Nâng cao hiệu quả kinh doanh, nghiên cứu thế mạnh của công viên để kết hợp với các đối tác mạnh phục vụ các chương trình lớn của Công viên.
- Trong công tác chỉ đạo, điều hành, luôn tuân thủ quy chế hoạt động của Ban điều hành, đồng thời thường xuyên cập nhật và áp dụng những thông lệ quản trị tiên tiến, phù hợp với mô hình hoạt động của công ty.
- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban điều hành phụ trách từng lĩnh vực hoặc từng mảng hoạt động, phù hợp với năng lực của từng thành viên trên cơ sở các nguyên tắc và nề nếp làm việc, để đảm bảo công tác quản trị điều hành được thông suốt, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2019 được dự báo môi trường kinh doanh có nhiều tín hiệu khả quan, nhưng vẫn còn chứa đựng nhiều rủi ro và thách thức, bởi lẽ thế giới sẽ còn nhiều biến động và xáo trộn như chiến tranh thương mại giữa các quốc gia, các nền kinh tế lớn kết hợp với các yếu tố rủi ro như xu hướng bảo hộ thương mại nội địa ... Bên cạnh đó là những thách thức đến từ các Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2019 sẽ tiếp tục phải đối mặt với các khó khăn, thách thức sau:

- Yếu tố thời tiết không thể lường trước được: quá nắng nóng, quá rét hoặc mưa bão quá nhiều,... sẽ làm giảm lượng khách đến Công viên vui chơi.

- Các đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực vui chơi giải trí ngày càng nhiều đặc biệt là sự xuất hiện của trung tâm thương mại Lotte tại Ciputra đối diện với công viên Hồ Tây sẽ có khu vui chơi trong nhà và khu vui chơi thủy cung hiện đại.
- Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tràn vào Việt Nam, khách hàng có cơ hội trải nghiệm với những dịch vụ ứng dụng công nghệ cao và càng khắt khe hơn đối với chất lượng dịch vụ của công viên.
- Các thiết bị của công viên sau 18 năm hoạt động đã cũ, tiềm ẩn các vấn đề rủi ro và giảm sức hút với khách hàng.

Việc xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019 mặc dù được cân nhắc theo hướng thận trọng nhưng Ban điều hành vẫn quyết tâm thúc đẩy tăng trưởng ở hầu hết các hoạt động kinh doanh của công ty để đạt mức tăng trưởng. Tổng doanh thu (không bao gồm du lịch lữ hành) là 2,15% và lợi nhuận ròng tăng 15,34% so với năm 2018.

- Chỉ tiêu Tổng doanh thu kế hoạch năm 2019 đạt **143,51** tỷ đồng, bằng 95,39% so với Tổng doanh thu thực hiện năm 2018.
- Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế TNDN là 8,92 tỷ đồng, tăng 14,6% so với 2018.
- Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế TNDN là 7,07 tỷ đồng, tăng 15,34% so với 2018.
- Chỉ tiêu Cổ tức năm 2019 là 7%/mệnh giá cổ phiếu hay 700 đồng/cổ phần, tăng 16,67% so với 2018.

Để đạt được mục tiêu đề ra, công ty đã đưa ra các giải pháp:

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ và hoàn thiện công tác lập quy hoạch tổng thể công viên Hồ Tây, tìm kiếm các nhà đầu tư tâm huyết với lĩnh vực vui chơi giải trí, có năng lực tài chính, có nhu cầu hợp tác kinh doanh dài hạn với công ty để triển khai dự án sau khi quy hoạch được duyệt.
- Liên hệ với các cơ quan chức năng để tìm kiếm giải pháp tháo gỡ khó khăn trong việc khai thác và/hoặc cung cấp nguồn nước ổn định lâu dài cho công viên.
- Tích cực thực hiện các chỉ đạo đúng hướng của Hội đồng quản trị về các vấn đề:
 - Xây dựng phương án sử dụng lao động, định mức sử dụng lao động phù hợp với kế hoạch kinh doanh hàng năm nhằm mục tiêu chủ động về nguồn nhân lực, sử dụng hiệu quả để tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động của các bộ phận trong công ty;
 - Xây dựng hệ thống và quy trình quản lý chất lượng dịch vụ, quy trình phối hợp công việc giữa các bộ phận nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động của công ty;

- Xây dựng lộ trình ứng dụng công nghệ thông tin và hoạt động kinh doanh của công ty để tiết kiệm chi phí, kiểm soát rủi ro, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.
- Đẩy mạnh công tác tiếp thị khách hàng tại các tỉnh phụ cận Hà Nội để thúc đẩy tăng trưởng lượng khách đoàn, tour học sinh đến với Công viên Hồ Tây.
- Tăng cường công tác khai thác khách tổ chức sự kiện, đặc biệt là sản phẩm “ngày hội gia đình” để phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh về vị trí địa lý. Qua đó, có điều kiện gia tăng doanh thu từ trò chơi dưới nước, trò chơi trên cạn, trò chơi trong nhà, ẩm thực và hàng hóa bán lẻ sẽ thu được từ các sự kiện. Đẩy mạnh công tác tiếp thị bán hàng tiệc cưới với lợi thế không gian lãng mạn, chỗ để xe chuyên dụng rộng rãi, giá cả cạnh tranh.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu Công viên Hồ Tây gắn với các sự kiện, sản phẩm trên các kênh thông tin như: các trang web, facebook...
- Tăng cường công tác duy tu, bảo dưỡng MMTB và hạ tầng công viên nước và công viên MTM, đảm bảo hệ thống các thiết bị trò chơi thường xuyên được kiểm định chất lượng theo quy định và tuyệt đối an toàn trong quá trình vận hành.
- Đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như lợi ích của công ty.
- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng. Đặc biệt là vấn đề bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Là đơn vị kinh doanh hoạt động vui chơi giải trí ngoài trời, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến việc đảm bảo không gian trong lành, cảnh quan tươi xanh. Vì vậy, việc xử lý nước thải cũng như rác thải được đặc biệt quan tâm, đó là đầu tư hệ thống xử lý nước thải hiện đại, thân thiện với môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Hiểu được nguyên tắc “hiền tài là nguyên khí quốc gia”, con người đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty. Vậy nên Haseco luôn chú trọng việc đảm bảo đời sống Người lao động thông qua mức lương cũng như các chế độ phúc lợi (Bảo hiểm, công đoàn, các khóa đào tạo,...). Đồng thời tạo môi trường làm việc thân thiện, gắn bó, phát triển.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Đối với cộng đồng địa phương, Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng thông các hoạt động khuyến góp, ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai,... Các hoạt động này được thực

hiện chủ yếu thông qua Công đoàn Công ty và đoàn thanh niên dưới sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Năm 2018, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng, đầy đủ các nhiệm vụ, chức năng theo Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị luôn làm việc trên tinh thần trách nhiệm, trung thực, tâm huyết, phát huy trình độ, chất xám cao nhất để đưa ra các định hướng cho Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện. Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Năm 2018 trước những khó khăn của nền kinh tế, bất lợi từ thời tiết và áp lực cạnh tranh gay gắt, nhưng với các chỉ đạo đúng hướng từ giữa năm 2017 của HĐQT, việc thay thế máng trượt đa lần kịp thời đưa vào hoạt động từ ngày 16/04/2018 đã tạo sức hút giúp cho doanh thu công viên nước tháng 4,5,6 tăng trưởng lên đến 6 tỷ đồng và tăng trưởng gần 30 ngàn khách so với năm 2017; doanh thu đạt hơn 43 tỷ đồng, tăng 3 tỷ đồng so với năm 2017. Đồng thời kêu gọi nhà đầu tư có năng lực và tiềm lực tài chính đầu tư vào công viên mang lại nguồn lợi cho công ty.

Bên cạnh đó, sát cánh hỗ trợ kịp thời Ban điều hành trong những lúc khó khăn để ổn định tình hình kinh doanh và tâm lý người lao động công ty. Công tác truyền thông, công tác đối nội, đối ngoại được thực hiện tốt; đối tác kinh doanh và đầu tư được mở rộng; đời sống người lao động được đảm bảo; thương hiệu “Công viên Hồ Tây” ngày càng được khẳng định trên thị trường; công tác quản lý điều hành luôn linh hoạt phù hợp với từng giai đoạn phát triển; văn hóa doanh nghiệp được chú trọng.

Doanh thu năm 2018 đạt 150,44 tỷ đồng tăng 25,91% so với năm 2017; mức cổ tức 6% tăng 20% so với năm 2017 và đạt kế hoạch đề ra.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty.

Năm 2018, Ban điều hành đã rất nỗ lực, cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã giao, thực hiện đúng và đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trong tình hình năm 2018 với những khó khăn từ các yếu tố chủ quan và khách quan, Ban điều hành đã thể hiện tinh thần cố gắng thực hiện theo đúng các chỉ đạo của HĐQT tại các Nghị quyết HĐQT để đưa ra những chính sách, kế hoạch phù hợp để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng Cổ đông đã giao phó.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Xây dựng kế hoạch phát triển Công viên Hồ Tây 5 năm giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn tới năm 2030;
- Tiếp tục triển khai lộ trình Quy hoạch tổng thể khu vui chơi giải trí Công viên Hồ Tây;
- Làm việc với các cơ quan chức năng để đề xuất cấp cơ chế đặc thù về việc khai thác nước để ổn định hoạt động công viên nước;
- Tỷ lệ cổ tức đạt 7% tăng 16,67% so với năm 2018;
- Tiếp tục đẩy mạnh và phát triển thương hiệu “Công viên Hồ Tây”;
- Nâng cao hiệu quả việc sử dụng nguồn nhân lực công ty;
- Chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, an toàn cho Công viên nước và Công viên Mặt trời mới;
- Áp dụng công nghệ cao vào quy trình tác nghiệp của công viên và quy trình quản lý;
- Nghiên cứu giải pháp hoặc tìm nhà đầu tư ngắn hạn giảm lỗ cho công viên Mặt Trời Mới;
- Đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như lợi ích của công ty, chăm lo đời sống người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT Haseco (Đại diện: 2.138.393 cổ phần của Tổng Công ty Du lịch Hà Nội) Phó Tổng giám đốc Tổng CT Du lịch Hà nội
2	Ông Lê Xuân Nam	Phó Chủ tịch HĐQT Haseco (Đại diện: 1.800.000 cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt) Trưởng phòng Tài chính Tổng Công ty Bảo hiểm nhân thọ - Tập đoàn Bảo Việt
3	Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 470.500 Cổ phần của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Thành Đô) Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư và

		Xây dựng Thành Đô
4	Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 1.115.684 cổ phần của Tổng Công ty Du lịch Hà Nội) Kế toán trưởng - Tổng CT Du lịch Hà nội
5	Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 1.015.923 cổ phần của Tổng công ty du lịch Hà Nội) Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí HN
6	Ông Đoàn Anh Trung	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 938.565 cổ phần của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Sen) Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại và DV Sen
7	Ông Phạm Mạnh Tường	Thành viên HĐQT Haseco Phó Trưởng ban Đầu tư - Tập đoàn Bảo Việt

2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Đơn vị Công tác
1	Bà Văn Thị Cẩm	Trưởng Ban kiểm soát Haseco
2	Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS Haseco (Đại diện: 525.000 cổ phần của Công ty TNHH Trí Thành) Giám đốc Công ty TNHH Trí Thành
3	Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên BKS Haseco TP Kế toán - Tổng Công ty Bảo hiểm nhân thọ - Tập đoàn Bảo Việt

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

STT	Thành phần	Số tiền (VNĐ)
1	Hội đồng quản trị	516.000.000
2	Ban kiểm soát	168.000.000
3	Ban Tổng Giám đốc	1.535.057.933

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc Công ty

Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội (Gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 31 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết

thức cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng VN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.761.643.249	27.600.167.648
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	6.142.593.323	6.377.531.407
1. Tiền	111		6.142.593.323	1.877.531.407
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	24.000.000.000	10.500.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		24.000.000.000	10.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.036.728.121	8.477.669.344
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	2.521.567.280	1.943.717.254
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	457.135.464	5.636.177.485
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	1.303.539.627	1.108.652.280
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6.	(245.514.250)	(210.877.675)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	1.406.590.645	1.735.353.931
1. Hàng tồn kho	141		1.406.590.645	1.735.353.931
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		175.731.160	509.612.966
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.	175.731.160	227.627.836
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	281.985.130
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		91.778.460.831	95.873.894.277
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	-	-
II. Tài sản cố định	220		85.374.626.071	85.540.292.913
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	82.767.852.633	81.796.461.244
- Nguyên giá	222		240.230.223.498	229.651.924.515
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(157.462.370.865)	(147.855.463.271)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	2.606.773.438	3.743.831.669
- Nguyên giá	228		18.187.833.000	18.187.833.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(15.581.059.562)	(14.444.001.331)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8.	125.580.545	375.051.067
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		125.580.545	375.051.067
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.278.254.215	9.958.550.297
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	6.278.254.215	9.958.550.297
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		127.540.104.080	123.474.061.925
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		13.200.493.200	10.230.654.486
I. Nợ ngắn hạn	310		12.624.443.200	9.854.604.486
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	2.562.835.270	2.960.082.287

2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	247.449.110	71.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	365.822.311	97.149.563
4. Phải trả người lao động	314		2.324.612.667	1.125.770.442
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	2.860.213.646	717.917.884
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17.	2.738.055.458	3.663.480.392
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	1.304.272.690	1.187.013.730
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		221.182.048	31.690.188
II. Nợ dài hạn	330		576.050.000	376.050.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.	576.050.000	376.050.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		114.339.610.880	113.243.407.439
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	114.339.610.880	113.243.407.439
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		92.974.500.000	92.974.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92.974.500.000	92.974.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.162.250.000	8.162.250.000
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(28.000.000)	(28.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.001.189.026	5.001.189.026
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.098.251.553	2.098.251.553
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.131.420.301	5.035.216.860
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.131.420.301	5.035.216.860
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		127.540.104.080	123.474.061.925

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	150.447.412.714	119.436.710.599
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01-02]	10		150.447.412.714	119.436.710.599
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	104.470.505.820	72.660.178.064
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10-11]	20		45.976.906.894	46.776.532.535
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.502.248.140	950.987.249
7.	Chi phí tài chính	22		-	18.000
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.6	19.791.037.484	19.937.868.539
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	20.123.622.503	21.994.048.249
10.	LN thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20	30		7.564.495.047	5.795.584.996

	+ (21-22) - (25+26)]				
11.	Thu nhập khác	31	VI.4	222.872.713	580.956.067
12.	Chi phí khác	32	VI.5	92.384	19.988
13.	Lợi nhuận khác [40 = 31-32]	40		222.780.329	580.936.079
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.787.275.376	6.376.521.075
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.655.855.075	1.341.304.215
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		6.131.420.301	5.035.216.860
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	659,67	541,73

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		159.409.159.810	130.219.850.423
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(85.238.099.013)	(61.774.940.128)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.307.408.519)	(18.574.800.774)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.474.304.215)	(1.461.670.631)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.605.625.578	6.190.495.406
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(33.407.478.234)	(30.092.869.331)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.587.495.407	24.506.064.965
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.722.042.721)	(14.675.821.820)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(39.000.000.000)	(26.500.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		25.500.000.000	21.500.000.000
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.069.346.830	754.251.138
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.152.695.891)	(18.921.570.682)

III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.669.737.600)	(4.684.232.400)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.669.737.600)	(4.684.232.400)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(234.938.084)	900.261.883
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.377.531.407	5.477.269.524
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	6.142.593.323	6.377.531.407

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), là Công ty Cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055096 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/1998. Công ty đã có 07 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01000844825 thay đổi lần thứ 7 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19/07/2016 thì vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng). Đến ngày 31/12/2018 Công ty chưa góp đủ Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sàn Upcom với mã chứng khoán là HES.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, các trò chơi trên mặt đất, dưới nước và trên không;
- Dịch vụ văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và rèn luyện thân thể;
- Cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ăn uống giải khát; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá;
- Vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh du lịch lữ hành;
- Tư vấn đầu tư các loại hình kinh doanh văn hoá thể thao, vui chơi giải trí;
- Dịch vụ massage và vật lý trị liệu.

Trụ sở Công ty tại: Số 614 - Lạc Long Quân - quận Tây Hồ - Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Các chính sách kế toán chủ yếu**1. Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do chủ nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/12/2018, Công ty không có hàng tồn kho cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc thiết bị	04 - 12
- Phương tiện vận tải	06 - 08
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng, phần mềm kế toán và bài giảng điện tử.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Bài giảng điện tử

Chi phí liên quan đến việc tổ chức đào tạo cho nhân viên mà ở đó toàn bộ kế hoạch hoạt động dạy học đều được chương trình hoá do giáo viên điều khiển thông qua môi trường multimedia do máy vi tính tạo ra. Nguyên giá của bài giảng điện tử là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa bài giảng điện tử vào sử dụng. Bài giảng điện tử được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng

Nguyên giá chi phí đền bù giải phóng mặt bằng là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 11 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là Chi phí quy hoạch chi tiết đồng bộ khu Công viên nước và Công viên mặt trời mới được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, chi phí in vé, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các chi phí khác thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn, thời gian sử dụng dài. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả có thời hạn trả nợ từ 01 năm trở xuống được Công ty ghi nhận là nợ phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ phải trả có thời hạn trên 01 năm được Công ty ghi nhận là nợ phải trả dài hạn.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: tiền nhận trước theo hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác tài sản và các khoản doanh thu nhận tiền trước khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận cho các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ vui chơi giải trí, tổ chức hội nghị, kinh doanh ăn uống, doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà,... và doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

15.1. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với hàng đồ chơi, và 10% đối với các dịch vụ vui chơi, ăn uống và các dịch vụ khác.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền	6.142.593.323	1.877.531.407
Tiền mặt	884.178.729	619.752.326
Tiền gửi ngân hàng	5.258.414.594	1.257.779.081
VND	5.251.468.779	1.250.980.315
USD	6.945.815	6.798.766
Các khoản tương đương tiền	-	4.500.000.000
Cộng	6.142.593.323	6.377.531.407

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	24.000.000.000	24.000.000.000	10.500.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP HDBank - CN Hà Nội	12.500.000.000	12.500.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đống Đa	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương - CN Hà Nội	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Long Biên	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP TPbank - CN Hà Nội	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - PGD Văn Cao - CN Tây Hồ	5.000.000.000	5.000.000.000	500.000.000	500.000.000
Cộng	24.000.000.000	24.000.000.000	10.500.000.000	10.500.000.000

3. Phải thu khách hàng

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vui chơi	245.582.073	-	194.841.566	-
Thế hệ mới				

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi nhánh Công ty Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải tại Hà Nội	1.074.799.640	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng & Quản lý dự án HI - END	-	-	242.643.000	-
Các đối tượng khác	1.201.185.567	245.514.250	1.506.232.688	210.877.675
Cộng	2.521.567.280	245.514.250	1.943.717.254	210.877.675

b) Phải thu khác hàng là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty ACTION WARTERSCAPES	-	3.090.861.510
Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển OKADAECO Việt Nam	-	931.700.000
Công ty TNHH KEPLER MAIA	-	905.340.975
Công ty Cổ phần Khoa học công nghệ VDT	168.000.000	-
Công ty TNHH P&T Việt Nam	92.785.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ Hy Vọng	72.482.964	-
Các đối tượng khác	123.867.500	708.275.000
Cộng	457.135.464	5.636.177.485

5. Phải thu khác

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Lãi dự thu của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	749.565.755	-	316.664.445	-
Ngân hàng TMCP HDBank - CN Hà Nội	488.115.070	-	145.886.112	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	35.279.452	-	60.177.778	-
Ngân hàng TMCP TPbank - CN Hà Nội	-	-	110.250.000	-
Các đối tượng khác	226.171.233	-	350.555	-
Các khoản phải thu khác	139.066.372	-	363.581.855	-
Công ty CP Dịch vụ thông tin Tré thơ	-	-	174.545.455	-
Công ty CP Vui chơi Thể hệ mới	-	-	95.200.000	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty TNHH KEPLER MAIA	-	-	92.500.000	-
Các đối tượng khác	139.066.372	-	1.336.400	-
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
Phải thu người lao động	394.907.500	-	408.405.980	-
Cộng	1.303.539.627	-	1.108.652.280	-

6. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Tư vấn và Đào tạo CONNECT	96.800.000	-	96.800.000	-
Công ty TNHH Du Lịch và Tổ chức sự kiện Sắc Việt	33.259.000	-	33.259.000	-
Công ty Cổ phần HEARTLINK	115.455.250	-	115.455.250	34.636.575
Cộng	245.514.250	-	245.514.250	34.636.575

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.053.386.865	-	1.336.204.352	-
Thành phẩm	30.809.465	-	-	-
Hàng hoá	322.394.315	-	399.149.579	-
Cộng	1.406.590.645	-	1.735.353.931	-

8. Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Chi phí quy hoạch chi tiết đồng bộ khu Công viên nước và Công viên Mặt trời mới	125.580.545	-
Hạng mục công trình ngầm hóa kênh mương	-	299.518.727
Hạng mục lắp đặt hệ thống Camera	-	50.000.000
Hệ thống nước tinh khiết đóng chai	-	20.090.909
Hệ thống đường trượt đa làn	-	5.441.431
Cộng	125.580.545	375.051.067

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư ngày 01/01/2018		134.617.029.322	92.120.181.542	2.648.945.454	265.768.197	229.651.924.515
- Mua trong năm		-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành		3.318.502.122	7.550.839.095	-	-	10.869.341.217
- Thanh lý, nhượng bán		-	(291.042.234)	-	-	(291.042.234)
Số dư ngày 31/12/2018		137.935.531.444	99.379.978.403	2.648.945.454	265.768.197	240.230.223.498
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2018		72.476.634.095	73.740.278.519	1.413.161.675	225.388.982	147.855.463.271
- Khấu hao trong năm		6.032.120.461	3.533.471.083	308.091.616	24.266.668	9.897.949.828
- Thanh lý, nhượng bán		-	(291.042.234)	-	-	(291.042.234)
Số dư ngày 31/12/2018		78.508.754.556	76.982.707.368	1.721.253.291	249.655.650	157.462.370.865
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2018		62.140.395.227	18.379.903.023	1.235.783.779	40.379.215	81.796.461.244
- Tại ngày 31/12/2018		59.426.776.888	22.397.271.035	927.692.163	16.112.547	82.767.852.633

- Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 35.152.573.032 VND.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Phần mềm tin học, kế toán và đào tạo	Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư ngày 01/01/2018	1.883.650.000	16.304.183.000	18.187.833.000
Số dư ngày 31/12/2018	1.883.650.000	16.304.183.000	18.187.833.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2018	1.694.509.383	12.749.491.948	14.444.001.331
Khấu hao trong năm	189.140.617	947.917.614	1.137.058.231
Số dư ngày 31/12/2018	1.883.650.000	13.697.409.562	15.581.059.562
Giá trị còn lại			
- Tại ngày 01/01/2018	189.140.617	3.554.691.052	3.743.831.669
- Tại ngày 31/12/2018	-	2.606.773.438	2.606.773.438

11. Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	175.731.160	227.627.836
Chi phí in vé chờ phân bổ	128.101.676	134.716.808
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	47.629.484	92.911.028
b) Dài hạn	6.278.254.215	9.958.550.297
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	679.898.302	1.594.214.169
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	5.441.688.913	6.954.300.069
Chi phí trả trước dài hạn khác	156.667.000	1.410.036.059
Cộng	6.453.985.375	10.186.178.133

12. Phải trả người bán

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thăng Long	22.803.000	22.803.000	874.739.243	874.739.243
Công ty TNHH Vạn Phú Kim	320.366.021	320.366.021	639.698.601	639.698.601
Các đối tượng khác	2.219.666.249	2.219.666.249	1.445.644.443	1.445.644.443
Cộng	2.562.835.270	2.562.835.270	2.960.082.287	2.960.082.287

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty CP Dịch vụ thông tin Trè Thơ	-	66.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Hà Nội	142.853.610	-
Công ty TNHH Ohara Plastics Việt Nam	84.595.500	-
Các đối tượng khác	20.000.000	5.500.000
Cộng	247.449.110	71.500.000

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
Phải nộp				
Thuế GTGT phải nộp	-	5.577.177.962	5.522.764.290	54.413.672
Thuế xuất nhập khẩu	-	412.775.553	412.775.553	-
Thuế TNDN	74.304.215	1.655.855.075	1.474.304.215	255.855.075
Thuế thu nhập cá nhân	21.867.108	263.788.390	268.129.063	17.526.435
Thuế tài nguyên	978.240	18.360.000	18.751.680	586.560
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	4.944.828.557	4.944.828.557	-
Các loại thuế khác	-	284.272.162	246.831.593	37.440.569
Cộng	97.149.563	13.157.057.699	12.888.384.951	365.822.311

15. Chi phí phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Phải trả chi phí chương trình Noel 2017 và Tết dương lịch 2018	-	119.635.732
Phải trả chi phí sự kiện/tiệc cưới	53.138.123	134.094.573
Phải trả chi phí ăn ca cho nhân viên	219.800.000	179.600.000
Phải trả chi phí đồng phục nhân viên	326.150.000	-
Phải trả cho đối tác cung cấp Landtour Nga	1.430.481.050	-
Phải trả chi phí sự kiện của Công ty TNHH Truyền Thông và Du Lịch Hà Nội	320.355.173	-
Trích trước chi phí phải trả khác	510.289.300	284.587.579
Cộng	2.860.213.646	717.917.884

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

16. Phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.304.272.690	1.187.013.730
Kinh phí công đoàn	153.314.419	122.083.280
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	19.800.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.131.158.271	1.064.930.450
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>1.039.944.850</i>	<i>1.062.357.450</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>91.213.421</i>	<i>2.573.000</i>
b) Dài hạn	576.050.000	376.050.000
Công ty Cổ phần Vui chơi Thể hệ mới	150.000.000	150.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Cà phê Cao Nguyên	200.000.000	-
Công ty TNHH KEPLER MAIA	61.050.000	61.050.000
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư HHA Việt Nam	99.000.000	99.000.000
Công ty TNHH Sen Đào	66.000.000	66.000.000
Cộng	1.880.322.690	1.563.063.730

17. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ SEN trả trước tiền theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.506.363.635	3.433.889.483
Chi Nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Cà phê Cao Nguyên trả trước tiền theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh	200.000.000	-
Doanh thu nhận trước khác	31.691.823	229.590.909
Cộng	2.738.055.458	3.663.480.392

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
					31/12/2018	01/01/2018
Số dư ngày 01/01/2017	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	4.851.768.523	105.960.518.523	
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.035.216.860	5.035.216.860	
Chia cổ tức	-	-	-	(4.647.325.000)	(4.647.325.000)	
Phân phối các quỹ	-	-	-	(204.443.523)	(204.443.523)	
Số dư ngày 01/01/2018	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	5.035.216.860	106.143.966.860	
Lãi trong năm	-	-	-	6.131.420.301	6.131.420.301	
Chia cổ tức	-	-	-	(4.647.325.000)	(4.647.325.000)	
Phân phối các quỹ	-	-	-	(387.891.860)	(387.891.860)	
Số dư ngày 31/12/2018	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	6.131.420.301	107.240.170.301	
18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu						
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội				42.700.000.000	42.700.000.000	
Tập đoàn Bảo Việt				18.000.000.000	18.000.000.000	
Công ty TNHH Trí Thành				5.250.000.000	5.250.000.000	
Công ty CP Đầu tư phát triển và Xây dựng Thành Đô				4.705.000.000	4.705.000.000	
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen				9.385.650.000	9.385.650.000	
Vốn góp của các đối tượng khác				12.933.850.000	12.933.850.000	
Cộng				92.974.500.000	92.974.500.000	

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.800 cổ phiếu

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp VND	Vốn điều lệ đã góp VND	Vốn điều lệ còn phải góp VND
Cộng	100.000.000.000	92.974.500.000	7.025.500.000
	100.000.000.000	92.974.500.000	7.025.500.000

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp đầu năm	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	92.974.500.000	92.974.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.647.325.000	4.647.325.000

18.4 Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	9.297.450	9.297.450
Cổ phiếu phổ thông	9.297.450	9.297.450
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.800	2.800
Cổ phiếu phổ thông	2.800	2.800
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.294.650	9.294.650
Cổ phiếu phổ thông	9.294.650	9.294.650

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

18.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	01/01/2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2018
Quỹ đầu tư phát triển	5.001.189.026	-	-	5.001.189.026
Quỹ khác thuộc vốn CSH	2.098.251.553	-	-	2.098.251.553
Cộng	7.099.440.579	-	-	7.099.440.579

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

- Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.447.412.714	119.436.710.599
Cộng	150.447.412.714	119.436.710.599

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.470.505.820	72.660.178.064
Cộng	104.470.505.820	72.660.178.064

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.502.168.614	950.987.249
Lãi chênh lệch tỷ giá	79.526	-
Cộng	1.502.248.140	950.987.249

4. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản thu nhập khác	222.872.713	580.956.067
Cộng	222.872.713	580.956.067

5. Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản chi phí khác	92.384	19.988
Cộng	92.384	19.988

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	19.791.037.484	19.937.868.539
Chi phí nhân viên bán hàng	6.679.762.212	7.315.456.920
Chi phí vật liệu bao bì	8.450.000	-
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.264.246.116	1.357.432.551
Khấu hao tài sản cố định	1.354.801.576	1.346.283.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.052.790.320	5.770.854.182
Chi phí bằng tiền khác	4.430.987.260	4.147.841.343
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	20.123.622.503	21.994.048.249
Chi phí nhân viên quản lý	5.885.144.598	6.670.030.615
Chi phí vật liệu quản lý	541.694.632	463.688.219
Khấu hao tài sản cố định	1.109.273.311	1.249.573.692
Chi phí đồ dùng văn phòng	241.736.910	348.267.502
Chi phí dự phòng	34.636.575	23.091.050
Thuế, phí, lệ phí	5.250.850.719	7.546.570.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.434.244.224	3.154.928.908
Chi phí bằng tiền khác	2.626.041.534	2.537.897.680
Cộng	39.914.659.987	41.931.916.788

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.757.068.475	3.569.411.810
Chi phí nhân công	25.126.475.920	24.536.417.072
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.024.028.467	10.301.034.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.439.834.838	69.377.501.864
Chi phí bằng tiền khác	8.037.758.107	6.807.730.073
Cộng	144.385.165.807	114.592.094.852

8. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	7.787.275.376	6.376.521.075
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	492.000.000	330.000.000
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	8.279.275.376	6.706.521.075
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.655.855.075	1.341.304.215

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.131.420.301	5.035.216.860
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<i>- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi(*)</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.131.420.301	5.035.216.860
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.294.650	9.294.650
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	659,67	541,73

(*) Công ty chưa có Quyết định về việc tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

VII. Những thông tin khác

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.142.593.323	6.377.531.407
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	114.339.610.880	113.243.407.435
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.1.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.142.593.323	6.377.531.407
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.579.592.657	2.841.491.859
Các khoản đầu tư tài chính	24.000.000.000	10.500.000.000
Cộng	33.722.185.980	19.719.023.266
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	4.443.157.960	4.523.146.017
Chi phí phải trả	2.860.213.646	717.917.884
Cộng	7.303.371.606	5.241.063.901

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	3.867.107.960	576.050.000	4.443.157.960
Chi phí phải trả	2.860.213.646	-	2.860.213.646

01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	4.147.096.017	376.050.000	4.523.146.017
Chi phí phải trả	717.917.884	-	717.917.884

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.142.593.323	-	6.142.593.323
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.579.592.657	-	3.579.592.657
Các khoản đầu tư tài chính	24.000.000.000	-	24.000.000.000

01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.377.531.407	-	6.377.531.407
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.841.491.859	-	2.841.491.859
Các khoản đầu tư tài chính	10.500.000.000	-	10.500.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH

Tập đoàn Bảo Việt

Mối quan hệ

Cổ đông

Cổ đông

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu	936.794.273	913.248.865
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH	936.794.273	913.248.865

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Các khoản phải thu	210.862.300	18.450.000
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH	210.862.300	18.450.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao của Hội đồng quản trị	516.000.000	489.000.000
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc	1.535.057.933	1.457.326.864
Cộng	2.051.057.933	1.946.326.864

3. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31/12/2018.

4. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. *uh*

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI



Nguyễn Thị Vân